

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 24 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thanh Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VT (Viết tắt là: V). Địa chỉ: Số 89 LH, quận Đ, thành phố N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT VP Bank.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Việt H – Trưởng bộ phận xử lý nợ V AMC

- Ông Lâm Đức H1 – Chuyên viên xử lý nợ V AMC

- Ông Lại Vy C – Chuyên viên xử lý nợ V AMC

Địa chỉ: Số 78 DV Hậu, phường DV, quận G, thành phố N.

(Ông H, ông C: Có mặt; Ông H1 vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lý Thị T, sinh năm 1952 và ông Đặng Văn X, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu 6, xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Bà T và ông X Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (V)- Ông Nguyễn Việt H và ông Lại Vy C trình bày:

Ngày 17/8/2017 bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X có ký hợp đồng vay vốn tại

ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số: LN1707200123201, số tiền vay: 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 83 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô làm phương tiện đi lại. Nhận nợ ngày 21/8/2017 theo khế ước nhận nợ lần 01 số LN1707200123201. Bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X có trách nhiệm trả nợ gốc và nợ lãi cho V theo kỳ (1 kỳ = 1 tháng) vào ngày 20 hàng tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,4%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 06 tháng, hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/10. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 21/02/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2018. Mức điều chỉnh bằng lãi tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng cộng biên độ 7,7%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con 5 chỗ, nhãn hiệu SSANGYONG, số khung: B1VSGP102715, số máy: 391002053274, BKS: 19A-164.46 thuộc quyền sở hữu của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông X và Bà T đã trả gốc và lãi hàng tháng theo quy định trong hợp đồng, đến ngày 19/5/2018 ông X và Bà T đã trả cho V được tổng số tiền là 99.935.636đ (*Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng*). (Trong đó: Trả gốc là: 53.016.000đ; Trả lãi là: 46.919.636đ). Kể từ ngày 19/5/2018 ông X và Bà T không trả gốc và lãi cho V nữa. V đã nhiều lần gửi thông báo, đơn đốc khách hàng tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khách hàng cam kết nhiều lần nhưng đều không thực hiện. Như vậy, bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 19/5/2018 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và phạt chậm trả kể từ ngày 19/5/2018. Nay V đề nghị Tòa án buộc bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền gốc còn nợ và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017 mà bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X đã ký kết vay vốn tại V. Dư nợ tạm tính từ ngày 19/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/8/2020) là: 798.924.293đ (*Bảy trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 496.984.000đ; Nợ lãi quá hạn: 267.605.735đ; Phạt chậm trả lãi: 34.334.558đ. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Trong đơn khởi kiện, V đề nghị Tòa án tuyên: V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu SSANGYONG TIVOLI SPORK, số khung: B1VSGP102715, số máy: 391002053274, BKS: 19A-164.46 thuộc quyền sở hữu của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X. Tuy nhiên, do Bà T và ông X đã để cho con trai là Đặng Quang B sử dụng chiếc xe trên, Tòa án đã triệu tập anh B nhưng anh B không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết xử lý tài sản bảo đảm. Do đó đại diện theo ủy quyền

của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét xử lý phần tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu SSANGYONG TIVOLI SPORK mà chỉ xem xét phần nợ gốc và nợ lãi đối với bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X. V sẽ đề nghị xử lý tài sản trong quá trình thi hành án. Trường hợp Bà T và ông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V thì đề nghị Tòa án tuyên trong bản án V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, xác minh điều kiện thi hành án của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X, trường hợp có đủ điều kiện có thể tiến hành kê biên, phát mại các tài sản thuộc sở hữu của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X để bảo đảm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho V.

Tài liệu do V cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017; Khế ước nhận nợ lần 01/số: LN1707200123201 và Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản cùng các tài liệu hợp pháp khác chứng minh cho việc vay vốn của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X với V đều có chữ ký của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X.

Bị đơn là bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X có lời khai thể hiện:

Tại bản tự khai ngày 14/5/2020 và 03/8/2020 bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X khai: Năm 2017, ông bà có ký hợp đồng vay vốn của V số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 83 tháng với mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu SSANGYONG TIVOLI SPORK để làm phương tiện đi lại, đồng thời ký hợp đồng thế chấp chính chiếc xe ô tô này để đảm bảo cho khoản vay số tiền 550.000.000đ tại (V). Ông, bà cho rằng không được nhận trực tiếp số tiền 550.000.000đ. Ông bà xác định chữ ký trong các hợp đồng vay vốn số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017, hợp đồng thế chấp số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017, khế ước nhận nợ và giấy ủy nhiệm chi số tiền 550.000.000đ của V là do ông bà ký. Tuy nhiên lúc ký hợp đồng với V, ông bà không nắm được nội dung của hợp đồng, chỉ biết ký theo hướng dẫn của cán bộ ngân hàng, sau khi ký xong cán bộ ngân hàng cũng không đọc lại nội dung để ông bà nắm được và ông bà cũng không đọc lại được hợp đồng do mắt kém. Việc vay vốn tại V do con trai ông bà là anh Đặng Quang B đứng ra nhận tiền từ ngân hàng. Hàng tháng ngân hàng gọi cho Bà T giục trả nợ lãi và gốc thì Bà T lại thông báo cho anh B để anh B trả nợ cho V. Theo như anh B nói lại với ông bà thì việc trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng và việc trừ gốc, lãi của V là không đúng quy định, tính lãi suất sai so với hợp đồng.

Ông bà đã nhận được các văn bản Tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh B. Nhưng do mục đích vay tiền để trả tiền mua xe ô tô mà hiện nay anh B đang sử dụng và anh B nói sẽ trực tiếp đem xe ô tô đến trả cho V. Do đó Tòa án có triệu tập nhưng anh B không đến Tòa án làm việc. Hiện nay anh B đang làm việc tại Hà Giang nhưng không nói rõ địa chỉ cho ông bà biết nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ cụ thể nơi anh B làm việc cho Tòa án được.

Theo bảng tổng hợp dư nợ của V tạm tính đến ngày 13/8/2020 khoản tiền ông bà còn nợ V là: Nợ gốc 496.984.000đ; Nợ lãi 298.072.932đ. Tổng dư nợ: 795.056.932đ. (Bảy trăm chín mươi lăm triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng). Ông bà không đồng ý trả tiền cho V, ông bà chỉ đồng ý việc thế chấp bằng ô tô thì trả bằng ô tô, anh B sẽ đem ô tô trả cho V.

Ông bà đã được thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông bà không đến Tòa án làm việc mà ông bà sẽ chủ động làm việc với V tự thỏa thuận và giải quyết với nhau.

Đại diện theo ủy quyền của V: Chúng tôi không đồng ý với quan điểm của ông X và Bà T. Do ông X, Bà T không hợp tác làm việc nên hai bên không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 274, 275, 351, 352, 353, 463, 466, 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VT về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần VT đối với bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X. Buộc bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay còn lại là 496.984.000đ và các khoản lãi trong hạn, quá hạn, tiền phạt phát sinh đến ngày xét xử cho Ngân hàng thương mại cổ phần VT. Đồng thời, đề nghị HDXX tuyên về nghĩa vụ của Bà T, ông X trong trường hợp chậm trả nợ.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong đơn khởi kiện, V yêu cầu Tòa án buộc Bà T và ông X thanh toán nợ và xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu SSANGYONG TIVOLI SPORK, biển kiểm soát 19A 164.46 đứng tên ông Đặng Văn X. Theo lời khai của Bà T và ông X cho rằng anh Đặng Quang B, con trai của ông bà là người đang quản lý sử dụng chiếc xe ô tô trên. Do đó Tòa án đã triệu tập anh Đặng Quang B với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để làm việc do liên quan đến chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp mà V đề nghị được xử lý trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của V đề nghị không xem xét xử lý phần tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô như đã nêu trên nữa, mà chỉ đề nghị xem xét phần nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng của V đối với bà Lý Thị T và

ông Đặng Văn X, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy anh Đặng Quang B không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa. Do đó Tòa án không đưa anh B vào tham gia Tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên không triệu tập anh B tham gia phiên tòa xét xử vụ án là phù hợp.

Bị đơn là bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X được tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 17/8/2017 bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X có ký hợp đồng vay vốn tại ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số: LN1707200123201 với số tiền vay: 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 83 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô làm phương tiện đi lại. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,4%/năm, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày 01/01; 01/04; 01/07; 01/10. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 21/02/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2018. Mức điều chỉnh bằng lãi tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng cộng biên độ 7,7%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con 05 chỗ, nhãn hiệu SSANGYONG, số khung: B1VSGP102715, số máy: 391002053274, BKS: 19A-164.46 thuộc quyền sở hữu của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của V đề nghị không xem xét xử lý phần tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô như đã nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên giữa Bà T, ông X với V là phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông X và Bà T đã thanh toán cho V tính đến ngày 19/5/2018 được tổng số tiền là 99.935.636đ (*Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng*). (Trong đó: Trả gốc là: 53.016.000đ; Trả lãi là: 46.919.636đ). Kể từ ngày 19/5/2018 ông X và Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó V đã nhiều lần đôn đốc nhưng Bà T và ông X vẫn không thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết, do vậy V yêu cầu Bà T và ông X phải trả nợ gốc còn lại và chịu mức lãi suất nợ quá hạn và phạt chậm trả lãi kể từ ngày 19/5/2018 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. V tạm tính từ ngày 19/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 Bà T và ông X phải thanh toán nợ cho V tổng số tiền là: 798.924.293đ (*Bảy trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 496.984.000đ; Nợ lãi quá hạn: 267.605.735đ; Phạt chậm trả lãi: 34.334.558đ.

Quá trình Tòa án lấy lời khai, Bà T và ông X đều thừa nhận do cần thanh toán tiền mua xe ô tô làm phương tiện đi lại nên ông bà có ký hợp đồng vay vốn của V số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và xác định chữ ký trong Hợp đồng tín dụng số: LN1707200123201 ngày 17/8/2017; Khế ước nhận nợ và Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN1707200123201 ngày

17/8/2017 là của ông bà. Tuy nhiên ông bà cho rằng, khi ký hợp đồng với ngân hàng, ông bà không nắm được nội dung của hợp đồng, ông bà không đồng ý thanh toán tiền cho V mà ông bà vay tiền để thanh toán tiền mua xe thì ông bà sẽ trả xe cho V, ông, bà không được nhận tiền từ V.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Sau khi được phê duyệt vay vốn, ngân hàng đã giải ngân cho bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X vào tài khoản số 127954585 và Bà T, ông X đã lập ủy nhiệm chi ngày 21/8/2017 với số tiền 550.000.000đ để thanh toán cho Công ty TNHH Phước Thành, Tuyên Quang số tài khoản 34110000931664 tại Ngân hàng BIDV Tuyên Quang. Bà T đã ký với tư cách chủ tài khoản để thanh toán số tiền trên. Việc Bà T cho rằng hàng tháng anh Đặng Quang B là người trực tiếp thanh toán số tiền trả nợ cho ngân hàng thì anh B cũng không liên quan đến khoản vay nợ của ông bà, vì theo quy định của ngân hàng, không bắt buộc phải là người vay vốn mới được thanh toán nợ cho ngân hàng mà bất kỳ ai cũng có thể thanh toán cho khoản vay của ông bà đối với V, nên việc hàng tháng anh B nộp tiền trả nợ thay cho Bà T và ông X là hoàn toàn phù hợp với quy định của ngân hàng và pháp luật. Việc anh B cho rằng ngân hàng tính lãi sai so với hợp đồng. Đại diện nguyên đơn khẳng định rằng V đã tính đúng, tính đủ số tiền gốc và lãi của khoản vay hàng tháng mà Bà T và ông X phải trả. Tất cả các quy định về lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả đều được quy định rõ ràng trong Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp thì Bà T và ông X hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, đầy đủ năng lực hành vi dân sự để chịu trách nhiệm về những gì mình đã ký. Hơn nữa, việc đọc và hiểu nội dung trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là quyền và trách nhiệm của bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông X có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ông bà khẳng định đã ký vào các giấy tờ, thủ tục vay vốn tại V đã thể hiện ý chí của ông bà là thực tế. Ông, bà cho rằng anh B là người đứng ra nhận tiền từ V. Tuy nhiên, Bà T thừa nhận chữ ký với tư cách chủ tài khoản trong ủy nhiệm chi lập ngày 21/8/2017 để thanh toán số tiền vay từ V là chữ ký của bà. Do đó lời trình bày của Bà T và ông X cho rằng ông bà không được nhận tiền từ V là không có căn cứ, mà cần buộc ông X và Bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay và lãi phát sinh cho V theo Hợp đồng tín dụng mà ông bà đã ký kết với V mới phù hợp.

Việc V tính lãi suất trên số tiền vay và lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ được thể hiện theo Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017 mà ông X và Bà T đã ký kết với V là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự và Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó việc ông X và Bà T cho rằng V tính lãi suất sai so với Hợp đồng đã ký nhưng không đưa ra được tài liệu nào chứng minh là không có căn cứ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của V là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.956.971đ. (Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi một đồng). Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử cần miễn toàn bộ án phí cho bị đơn là phù hợp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 274, 275, 351, 352, 353, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VT về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần VT đối với bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X, với số tiền vay vốn là 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Xác nhận bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VT tổng số tiền 99.935.636đ (*Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng*). (Trong đó: Trả gốc là: 53.016.000đ; Trả lãi là: 46.919.636đ).

2. Buộc bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay còn lại và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần VT tính từ ngày 19/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/8/2020) theo lãi suất đã được điều chỉnh theo từng thời kỳ với tổng số tiền là: 798.924.293đ (*Bảy trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 496.984.000đ (*Bốn trăm chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tư nghìn đồng*); Nợ lãi quá hạn: 267.605.735đ (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm linh năm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng*); Phạt chậm trả từ thời điểm bắt đầu quá hạn là: 34.334.558đ (*Ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi tư nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*).

+ *lãi xuất đã được điều chỉnh theo từng thời kỳ được giải trình cụ thể là:*

- Lãi xuất quá hạn từ 19/5/2018 đến 17/7/2018 (60 ngày): = $\text{Dư nợ gốc} \times \text{lãi suất quá hạn} \times \text{số ngày quá hạn} + \text{lãi lũy kế kỳ trước} - \text{tiền lãi đã trả}/360$ là: $498.258.704 \times 22,35 \times 60 + 5.248.265 - 183.502/360 = 23.624.901$ đ (*Hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm linh một đồng*);

- Lãi suất quá hạn từ 18/7/2018 đến 31/12/2018 (167 ngày): = $\text{Dư nợ gốc} \times \text{lãi suất quá hạn} \times \text{số ngày quá hạn}/360$: $496.984.000đ \times 22,35 \times 167/360 = 51.526.887đ$ (Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 (181 ngày) là: $496.984.000đ \times 23,25 \times 181/360 = 58.095.359đ$ (Năm mươi tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi chín đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/7/2019 đến 31/12/2019 (184 ngày) là: $496.984.000đ \times 23,55 \times 184/360 = 59.820.307đ$ (Năm mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh bảy đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/1/2020 đến 31/3/2020 (91 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,95 \times 91/360 = 28.831.284đ$ (Hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi tư đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/4/2020 đến 30/6/2020 (91 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,88 \times 91/360 = 28.737.064đ$ (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi tư đồng);

- Lãi suất quá hạn từ 01/7/2020 đến 24/8/2020 (55 ngày) là: $496.984.000đ \times 22,35 \times 55/360 = 16.969.933đ$ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng);

- Phạt chậm trả lãi từ thời điểm bắt đầu quá hạn là: 34.334.558đ (Ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi tư nghìn năm trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1707200123201 ngày 17/8/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần VT với bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lý Thị T và ông Đặng Văn X.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001743 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Lưu HS+ AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng